

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2022/HNGĐ-ST**.

Ngày: 14/4/2022.

V/v: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Duy Bản.

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Biện Việt Cường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, Mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị H, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn 3, xã ĐK, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn 3, xã ĐK, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Con chung Trần Minh Đức, sinh năm 2009; Nơi cư trú: Thôn 3, xã ĐK, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - chị Võ Thị H yêu cầu:

Chị H và anh Trần Văn N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐK vào năm 1997. Sau khi kết hôn, chị và anh N chung sống với nhau không có hạnh phúc do anh N không có trách nhiệm với gia đình, thường

xuyên đi nhậu về nhà kiếm chuyện gây gỗ vợ con. Do sống với anh N không có hạnh phúc nên chị H đã bỏ đi làm ăn xa, từ đó vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Nay chị H nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh N vì tình cảm dành cho anh N không còn nên yêu cầu giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh Trần Văn N có 03 người con chung, trong đó có 01 con chung chưa thành niên là Trần Minh Đức, sinh năm 2009. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trần Minh Đức cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2022, anh Trần Văn N trình bày ý kiến:

Anh N và chị Võ Thị H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐK vào năm 1997. Sau khi kết hôn, nhìn chung anh và chị H chung sống hạnh phúc chứ không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, khoảng tháng 12/2021 giữa anh và chị H có xảy ra cãi vã nhưng rồi thôi, không có gì to tát. Hiện tại chị H đi làm việc phụ bán quán phở ở trên Sài Gòn, anh chị xa nhau khoảng 7 năm, ít gặp gỡ hay gần gũi nhau. Hiện nay anh N vẫn còn tình cảm yêu thương chị H nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh N và chị Võ Thị H có 03 người con chung, trong đó có 01 con chung chưa thành niên là Trần Minh Đức, sinh năm 2009. Trường hợp phải ly hôn, anh N yêu cầu Tòa án giao con chung Trần Minh Đức cho anh N được nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn chị H cung cấp bao gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh con chung Trần Minh Đức; chứng minh nhân dân mang tên Võ Thị H, Trần Minh Đức, sổ hộ khẩu (bản sao).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị H được ly hôn với anh Trần Văn N.

+ Về con chung: Giao cho chị Võ Thị H có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên Trần Minh Đức, sinh ngày 13/10/2009 cho đến khi thành niên. Anh Trần Văn N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H nhưng được quyền thăm nom chăm sóc con, chị H không được ngăn cản.

+ Về án phí: Chị Võ Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị H đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Võ Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Trần Văn N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] *Xét yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị H*:

Chị Võ Thị H và anh Trần Văn N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐK năm 1997 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H và anh N chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân từ những xích mích trong cuộc sống hàng ngày không tự hòa giải, hàn gắn được dần dần trở thành những mâu thuẫn lớn hơn. Do xảy ra mâu thuẫn không tự hòa giải được nên chị H và anh N đã sống ly thân trong một thời gian dài, mỗi người tự chăm lo cho cuộc sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc nên chị H yêu cầu ly hôn với anh N. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ra thông báo hòa giải giữa chị H và anh N nhưng anh chị đều không tham gia phiên hòa giải.

[2]. Qua xác minh tại địa phương xã ĐK, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xác định. Trong thời gian còn chung sống chị H và anh N thường xảy ra cãi vã do anh N thường uống rượu gây gổ chị H. Hiện tại anh chị đã sống ly thân, chị H đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà vài hôm rồi đi lại. Trên cơ sở đó đã xác định chị H và anh N đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau được quy định tại điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị được ly hôn với anh N, theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại

phiên tòa là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống chị H và anh N có 03 người con chung, hiện tại có 01 con chung chưa thành niên là Trần Minh Đức, sinh năm 2009. Trong quá trình tố tụng chị H và anh N đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Minh Đức sau khi anh chị ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng. Tuy nhiên, khi lấy lời khai cháu Đức để xác định nguyện vọng của cháu khi cha mẹ ly hôn thì cháu Đức mong muốn được ở với chị H. Do đó để đảm bảo nguyện vọng của con trên 7 tuổi, xét thấy cần giao con chung Trần Minh Đức cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] *Về tài sản chung*: Chị H và anh N không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[5] *Về nợ chung*: Không có.

[6] *Về án phí*: Cần buộc chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 146, 147, 203, 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - chị Võ Thị H.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Võ Thị H được ly hôn với anh Trần Văn N.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Võ Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên Trần Minh Đức, sinh ngày 13/10/2009 cho đến khi thành niên. Anh Trần Văn N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

3. *Về án phí*: Chị Võ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số 0007618, ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã ĐK;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Mạnh Trí